

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030,
tỉnh Điện Biên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Văn bản số 6555/BKHĐT-TH ngày 16/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 4446/TTr-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh về Thông qua dự kiến nhu cầu vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tỉnh Điện Biên, Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS, ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tỉnh Điện Biên với tổng số vốn 26.794.533 triệu đồng, chi tiết các nguồn vốn như sau:

1. Vốn ngân sách địa phương: 6.502.051 triệu đồng, trong đó:

(1) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 5.427.051 triệu đồng. Bố trí cho 145 dự án.

(2) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 900.000 triệu đồng. Bố trí cho 07 dự án.

(3) Vốn xổ số kiến thiết: 175.000 triệu đồng. Bố trí cho 17 dự án.

2. Vốn ngân sách Trung ương: Nhu cầu vốn là 13.261.084 triệu đồng, trong đó:

(1) Vốn trong nước: 10.554.080 triệu đồng. Bố trí cho 51 dự án.

(2) Vốn nước ngoài: 2.707.004 triệu đồng. Bố trí cho 05 dự án.

3. Chương trình MTQG: 7.031.398 triệu đồng, trong đó:

(1) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 3.839.687 triệu đồng. Bố trí cho 399 dự án.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.376.901 triệu đồng. Bố trí cho 91 dự án.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 814.810 triệu đồng. Bố trí cho 147 dự án.

(Chi tiết như Phụ Biểu kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, tỉnh Điện Biên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Mười sáu thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 1

TỔNG HỢP NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2026-2030				Ghi chú
		Số dự án	Tổng số vốn	Trong đó:		Số dự án	Tổng số vốn	Trong đó:		
				Trong nước	Nước ngoài			Trong nước	Nước ngoài	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	1.160	20.290.823	18.805.044	1.485.779	862	26.794.533	24.087.529	2.707.004	
A	Vốn ngân sách nhà nước	1.160	20.290.823	18.805.044	1.485.779	862	26.794.533	24.087.529	2.707.004	
I	Vốn ngân sách địa phương	196	7.107.795	7.107.795	0	169	6.502.051	6.502.051	0	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CDNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg)	145	3.734.700	3.734.700		145	5.427.051	5.427.051		Tăng 1,45 lần so với GD 21-25
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	12	3.203.995	3.203.995		7	900.000	900.000		Lấy theo Báo cáo của UBND về dự toán ngân sách giai đoạn 25-27 (dự kiến mỗi năm 180 tỷ)
3	Vốn xổ số kiến thiết	39	168.000	168.000		17	175.000	175.000		Lấy theo Báo cáo của UBND về dự toán ngân sách giai đoạn 25-27 (dự kiến mỗi năm 35 tỷ)
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP		1.100	1.100			0			
II	Vốn Ngân sách trung ương	71	8.361.631	7.035.720	1.325.911	56	13.261.084	10.554.080	2.707.004	
1	Vốn trong nước (bao gồm cả CT phục hồi PTKTXH)	65	7.035.720	7.035.720		51	10.554.080	10.554.080		Tăng 1,5 lần so với GD 21-25
2	Vốn nước ngoài	6	1.325.911		1.325.911	5	2.707.004		2.707.004	Tăng 2 lần so với GD 21-25
III	Vốn Chương trình MTQG	893	4.821.397	4.661.529	159.868	637	7.031.398	7.031.398	0	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502	2.550.925	2.550.925		399	3.839.687	3.839.687		Tăng 1,5 lần so với GD 21-25
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	108	1.606.004	1.606.004		91	2.376.901	2.376.901		Tăng 1,48 lần so với GD 21-25
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	283	664.468	504.600	159.868	147	814.810	814.810		Tăng 1,6 lần so với GD 21-25
B	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật									

Biểu số 2

CHI TIẾT NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ							7.105.295	6.310.911	99,368	89,468	6.502.051	411.315		
A	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất														
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TDC Noong Bua đến khu TDC Pú Tẩn)	B	TP ĐBP									30.883			
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	B	TP ĐBP									611.521	363.703		
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	B	TP ĐBP												
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ	B	TP ĐBP												
5	Dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	B										89.000	47.612		
6	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	C													

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	C													
8	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP	2023	2026		2200/QĐ-UBND 01/12/2022	195.000	145.000			58.596			
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP				1047/QĐ-UBND 16/6/2022	200.000	200.000			100.000			
10	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	B	TP ĐBP					702.000	702.000			5.000			
11	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mật trận tổ quốc tỉnh	B	TP ĐBP					790.000	790.000			5.000			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
	Tuyến đường từ nút giao cao tốc đi trung tâm TP. Điện Biên Phủ					L=3,0km; Bnen=32m đường trong đô thị		469.000							
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương														
I	Phân bổ dự phòng 10%											560.205			
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý														
1	Thành phố Điện Biên Phủ											160.381			
2	Huyện Điện Biên											195.169			
3	Huyện Tuần Giáo											188.004			
4	Huyện Điện Biên Đông											164.530			
5	Huyện Mường Ảng											123.759			
6	Huyện Mường Nhé											160.710			
7	Huyện Mường Chà											154.628			
8	Huyện Tủa Chùa											140.813			
9	Huyện Nậm Pồ											173.161			
10	Thị xã Mường Lay											51.398			
III	Ngân sách cấp tỉnh quản lý														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
III.1	Bổ trí vốn đối ứng các dự án ODA, trả lãi vai, phí vay, bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ theo Nghị định của Chính phủ														
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên (JICA)						981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022					340.720			
2	Mở rộng mạng lưới thu gom, xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ vay vốn ODA Phần Lan											94.048			
3	Hỗ trợ chi phí đền bù, GPMB dự án Dự án Xây dựng đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, giai đoạn											500.000			
4	Dự án tăng cường năng lực tự lực cho khu vực nông thôn thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng điện cho vùng khó khăn của Tỉnh Điện Biên (KOICA)											62.750			
5	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ hỗ trợ HTX											17.000			
III.2	Phân bổ theo các ngành, lĩnh vực														
(1)	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho khu vực Đoàn bộ Đoàn 379 và các hộ dân trên địa bàn đóng quân	C	Nậm Pồ	2024	2026	Cấp nước cho 432 người	1499/QĐ-UBND 14/9/2023	10.500	10.500	10.000	10.000	500			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Trận địa phòng không và các hạng mục bổ trợ của huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C					50/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	9.600	9.600	500	500	9.100			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Nhà ăn, nhà bếp dBB1/e741/Bộ CHQS tỉnh	C	X. Sam Múm h. Điện Biên t. Điện Biên	2026	2028	XD 1.150 m2 nhà, hạ tầng		14.900	14.900			14.900					
3	Cải tạo hang thành đường hầm sơ chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu huyện Tủa Chùa.	C	huyện Tủa Chùa	2026	2030	Cải tạo 2km hang động		25.000	25.000			25.000					
4	Hoàn thiện doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh. Hạng mục: Nhà ở, làm việc, hạng mục phụ trợ Chỉ huy; nhà khách; nhà trực ban tiếp dân, nhà xe và hạ tầng kỹ thuật	C	P. Mường Thanh TP. ĐBP t. Điện Biên	2026	2028	XD 1.650 m2 nhà; 500m2 nhà xe; 10.000m2 hạ tầng		40.000	40.000			40.000					
5	Căn cứ chiến đấu thành phố Điện Biên Phủ	B	TP Điện Biên Phủ	2026	2030	XD hệ thống hạ tầng		50.000	50.000			50.000					
6	Xây dựng hàng rào bảo vệ và sửa chữa hệ thống đường cơ động tuyến CA, tuyến chính, đường thoát cửa A trong căn cứ chiến đấu của tỉnh (AD-05).	C	TP Điện Biên Phủ	2026	2027	XD 2km đường, hạ tầng		15.000	15.000			15.000					
7	Công trình trận địa hoà lực và các hạng mục hỗ trợ Cụm điểm tựa phòng ngự dBB1/eBB741.Bộ CHQS tỉnh tại xã Na U, huyện Điện Biên.	C	huyện Điện Biên	2026	2027	XD hệ thống hạ tầng		9.500	9.500			9.500					
8	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Điện Biên	C	TT. Pú Từ h. Điện Biên t. Điện Biên	2027	2029	SC 2.678 m2 nhà; hạ tầng, sân đường		12.000	12.000			12.000					
9	Cải tạo, nâng cấp doanh trại đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	C	t. Điện Biên	2027	2029	XD 260m2 nhà;SC 2.000 m2 nhà; 150m kè đá; hạ tầng kỹ thuật		20.600	20.600			20.600					
10	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Mường Ảng	C	TT. Mường Ảng h. Mường Ảng t. Điện Biên	2027	2030	SC 3.033 m2 nhà; hạ tầng		11.000	11.000			11.000					
11	Hoàn thiện doanh trại dBB1/e741/Bộ CHQS tỉnh. Hạng mục: Nhà ở đại đội trực SSCĐ và hạng mục phụ trợ dBB1/e741/Bộ CHQS tỉnh	C	X. Sam Múm h. Điện Biên t. Điện Biên	2027	2029	XD 2.450 m2 nhà; 500m kè BTCT; 300m kè đá; 500m2 hạ tầng sân đường		30.000	30.000			30.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh doanh trại Ban CHQS TX Mường Lay	C	P. Sông Đà TX. Mường Lay t. Điện Biên	2027	2030	XD 500m2 nhà; SC 3.025 m2 nhà; hạ tầng		18.000	18.000			200			
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Ban CHQS huyện Điện Biên Đông	C	TT. ĐBĐ h. ĐBĐ t. Điện Biên	2027	2030	XD 80 m2 nhà; SC 3.025 m2 nhà; hạ tầng		11.000	11.000			200			
3	Hoàn thiện Doanh trại Ban CHQS huyện Nậm Pồ theo thiết kế mẫu (giai đoạn 2)	C	X. Nậm Chua h. Nậm Pồ t. Điện Biên	2028	2030	XD 1.800 m2 nhà; SC 2.472m2 nhà; hạ tầng, tường rào		18.000	18.000			200			
4	Cải tạo, nâng cấp thao trường huấn luyện lực lượng vũ trang thành phố	C	TP		2026	2030		15.000	15.000						
(2)	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên				62/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000			
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên				63/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	14.950	14.950			14.950			
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				64/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã thuộc Công an các huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Chà, Nậm Pồ và Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên				65/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	12.000	12.000			12.000					
	Trụ sở làm việc Công an xã Nà Nhạn thuộc thành phố Điện Biên Phủ, Công an xã Pú Hồng thuộc huyện Điện Biên Đông và Công an các xã: Hẹ Muông, Sam Mứn thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	C	Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên				1591/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.402	6.000			6.000					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Núa Ngam, Noong Hẹt, Noong Luống, Thanh An thuộc huyện Điện Biên và Công an xã Chiềng Sơ thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên và huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				1590/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Keo Lôm, Na Son, Noong U, Tia Dính, Xa Dung thuộc huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên				1593/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Sá Tổng, Huổi Lèng, Hừa Ngải, Huổi Mí thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên				1597/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khần thuộc huyện Nậm Pồ, Công an xã Chung Chải thuộc huyện Mường Nhé và Công an các xã: Sín Chải, Lao Xá Phính thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Nậm Pồ, huyện Mường Nhé và huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên				1592/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	7.500			7.500					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tá Phìn, Huổi Xỏ, Sính Phính, Trung Thu thuộc huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên				1589/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Rạng Đông, Nà Tông, Phính Sáng, Pủ Nhung, Tênh Phông thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1596/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Tòa Tỉnh, Mường Khoong, Nà Sáy, Mường Mùn, Pú Xi thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1595/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	14.950	7.450			7.450					
	Trụ sở làm việc Công an các xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Quải Cang, Quải Nưa thuộc huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	C	Huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên				1594/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	12.000	6.000			6.000					
	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thị xã Mường Lay	C					1521/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	1.500	1.500			1.500					
	Đầu tư mua sắm trang bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Điện Biên	C					1520/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	6.650	6.650			6.650					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn còn lại thuộc Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an các xã, thị trấn							93.272	93.272			53.272					
*	Hỗ trợ xây các dự án xây dựng cơ sở vật chất Công an tỉnh quản lý (do Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư)																
1	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Trụ sở làm việc, tháp tập 5 tầng Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH							7.000	7.000			7.000					
2	Xây dựng Trụ sở Công an phường Mường Thanh, Công an thành phố Điện Biên Phủ	C	P. Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên					5.000	5.000			5.000					
3	Xây dựng Trụ sở Công an phường Noong Bua, Công an thành phố Điện Biên Phủ	C	P. Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên					5.000	5.000			5.000					
4	Sửa chữa, nâng cấp nhà đại đội Cảnh sát cơ động thành nhà làm việc PK02 thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					13.000	13.000			13.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Xây dựng Trụ sở làm việc phòng PC10 thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					20.000	20.000			10.000			
6	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Điện Biên Đông	C	Điện Biên					4.000	4.000			4.000			
7	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn Tủa Chùa					4.000	4.000			4.000			
8	Xây dựng nhà tạm giữ xử phạt hành chính Công an huyện Mường Chà	C	Thị trấn Mường Chà					4.000	4.000			4.000			
9	Xây dựng bổ sung, cải tạo sửa chữa Cục ANTB (cũ) thành hệ thống kho vật tư kỹ thuật, quân trang, vũ khí, dự trữ quốc gia	C	Phường Thanh Trường					20.000	20.000			20.000			
10	Xây dựng trụ sở làm việc Đội ngoại tuyến thuộc Phòng PA06	C	Phường Thanh Bình					10.000	10.000			10.000			
11	Xây dựng mới trụ sở làm việc phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Điện Biên	C	Xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên					44.500	44.500			22.250			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Dự án Nhà ở công vụ và nhà ở tiểu đội cảnh sát bảo vệ mục tiêu	B	TP. Điện Biên Phủ			Nhà công vụ diện tích sàn khoảng 200 m2; Nhà ở tiểu đoàn cảnh sát diện tích sàn khoảng 1.500 m2		70.000	70.000			20.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
*	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất công an tỉnh quản lý do Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư														
1	Xây dựng mới trụ sở làm việc phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh Điện Biên							40.000	40.000			500			
2	Xây dựng bổ sung khoa khám bệnh thuộc Bệnh viện 7-5							18.000	18.000			500			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực thuộc Công an các huyện, thị xã, thành phố và Trung tâm Giáo dục cộng đồng và Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH							55.000	55.000			500			
(3)	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng nhà lớp học 7 tầng + Thư viện Trường Chính trị tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP	2024	2026		77/QĐ-UBND 16/1/2024	50.000	50.000	15.000	15.000	35.000			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	C					974/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.950	12.450	500	500	11.950			
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non số 2 xã Pá Khoang	C					975/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14.900	12.400	400	400	12.000			
3	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Nam Thanh,thành phố Điện Biên Phủ	C					976/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	9.000	6.500	300	300	6.200			
4	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Sơn Ca, thành phố Điện Biên Phủ	C					977/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	11.150	8.650	300	300	8.350			
5	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT TH số 2 xã Na Tông	C						14.900	11.900			11.900			
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Thanh Luồng	C						14.900	11.900			11.900			
7	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường THCS xã Thanh Chân	C						14.900	11.900			11.900			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
8	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường TH&THCS xã Sam Mứn	C						14.900	11.900			11.900					
9	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non số 2 xã Na Tông, huyện Điện Biên	C						14.900	11.900			11.900					
10	Dự án: Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	C						14.900	11.900			11.900					
11	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Hừa Ngải	C						14.800	11.800			11.800					
12	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Na Sang	C						14.900	11.900			11.900					
13	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non xã Hừa Ngải	C						14.800	11.800			11.800					
14	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT tiểu học xã Nà Búng							14.800	11.800			11.800					
15	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT TH&THCS xã Nậm Khăn							14.900	11.900			11.900					
16	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS xã Phìn Hồ							14.700	11.700			11.700					
17	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Na Cô Sa							14.500	11.500			11.500					
18	Dự án: Cải tạo, nâng cấp trường PTDTBT THCS Tân Phong, xã Si Pa Phìn							14.900	11.900			11.900					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
19	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Thanh Chân, huyện Điện Biên	C	H. Điện Biên	2026	2030	Xây mới Nhà đa năng, nhà ở nội trú học sinh 15 phòng, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh cho học sinh bán trú; sửa chữa nhà ban giám hiệu, 32 phòng học và phòng học chức năng		14.800	14.800			14.800					
21	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT huyện Điện Biên	C	H. Điện Biên	2026	2030	Nhà đa năng, nhà vệ sinh; cải tạo, sửa chữa các nhà lớp học và hạng mục phụ trợ		14.800	14.800			14.800					
22	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT thành phố Điện Biên Phủ	C	TP. Điện Biên Phủ	2026	2030	Nhà lớp học 12 phòng + 04phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, 06 phòng tổ chuyên môn, cải tạo, sửa chữa nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ.		14.900	14.900			14.900					
23	Trường THPT Phan Đình Giót	C	TP. Điện Biên Phủ	2026	2030	Xây mới: 04 phòng học; 06 phòng bộ môn; nhà ăn; nhà WC; Sửa chữa: Nhà đa năng + ban giám hiệu, nhà nội trú các hạng mục phụ trợ		14.500	14.500			14.500					
25	Trường THPT Thị xã Mường Lay	C	TX. Mường Lay	2028	2030	Xây mới: 06 phòng bộ môn, 12 phòng nội trú, 10 phòng công vụ, phòng tư vấn học đường, phòng tắm, phòng vệ sinh, gara xe, phòng quản lý học sinh, Hệ thống PCCC. Sửa chữa: 02 phòng bộ môn, nhà để xe, nhà nội trú,		14.900	14.900			14.900					
29	Cải tạo, sửa chữa nhà thực hành cho sinh viên Lào và ký túc xá cho học sinh Lào Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C	TP ĐBP			01 nhà thực hành 2 tầng và 01 nhà KTX 3 tầng 24 phòng ở nội trú khép kín		12.000	12.000			12.000					
30	Trường TH xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	C	Xã Mường Pồn			Xây mới 10 phòng học và 8 phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900					
31	Trường TH xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Luông					14.900	14.900			14.900					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
32	Trường THCS xã Thanh Hưng		Xã Thanh Hưng					14.900	14.900			13.300			
33	Trường MN Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	C	Xã Noong Hẹt			Xây mới nhà lớp học 8 phòng, Khu nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp và các hạng mục phụ trợ		14.600	14.600			14.600			
34	TH&THCS Hermann	C	Thanh Trường					14.900	14.900			14.900			
35	Nâng cấp cải tạo Trường Mầm Non xã Nà Tấu							14.900	14.900			14.900			
36	Nâng cấp cải tạo Trường Mầm Non xã Nà Nhạn							14.900	14.900			14.900			
37	Xây dựng nhà nội trú học sinh, sinh viên và hạng mục phụ trợ trường Cao đẳng Nghề Điện Biên	C	TP ĐBP					29.000	29.000			29.000			
39	NC, mở rộng trường Mầm non thị trấn Điện Biên Đông	C	thị trấn Điện Biên Đông			27 phòng học các công trình phụ trợ và thiết bị dạy học khác		14.500	14.500			14.500			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	C	TP. Điện Biên Phủ	2028	2030	Xây mới bể bơi, giải phóng mặt bằng mở rộng diện tích 7.000m2; đường lên trường và các mục phụ trợ khác		25.000	25.000			10.000			
2	Xây mới trường PTDTBT THCS Tia Dình, xã Tia Dình	C	xã Tia Dình			22 phòng học, 20 phòng nội trú và các hạng mục khác		44.000	44.000			12.500			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Đầu tư xây dựng trường PTDTNT THPT huyện Mường Chá	C	H. Điện Biên	2028	2030	Kê và các hạng mục phụ trợ		14.000	14.000						
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	C					2111/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	12.380	12.380	4.300	4.300	8.080			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Dự án Xây dựng khu thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao cho Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN	C	H. Điện Biên					30.000	30.000						
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Dự án đầu tư thiết bị cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng giai đoạn 2	C	P. Noong Bua					10.000	10.000						
2	Dự án xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh (bao gồm cả cơ sở ươm tạo công nghệ /ươm tạo doanh nghiệp)	C	H. Điện Biên					15.000	15.000						
(5)	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Cải tạo, sửa chữa TTYT thị xã Mường Lay	C						8.000	8.000	500	500	7.500			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Dự án: Xây mới Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Điện Biên	C						35.000	35.000			20.248			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(6)	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Trụ sở và nhà văn hóa - thể thao xã Huổi Lèng	C	Huổi Lèng			1 trụ sở xã, 01 nhà văn hóa -thể thao xã		14.000	11.900			11.900			
2	Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống trưng bày trong và ngoài Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ	C	TP ĐBP					20.000	20.000			20.000			
3	Nâng cấp, cấp, sửa chữa mái Bảo Tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ	C	TP ĐBP					25.000	25.000			10.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(7)	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	"Cải tạo, sửa chữa Trung tâm truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Điện Biên"		TP ĐBP					25.000	25.000			25.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(8)	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Sân vận động huyện Mường Ảng	C	TT Mường Ảng			S = 2,4ha sức chứa dưới 15.000 chỗ ngồi		45.000	31.000			31.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Quảng trường trung tâm huyện Tuần Giáo	C	Thị trấn Tuần Giáo					30.000	24.000			5.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Năng cấp, bổ sung các trang thiết bị quan trắc môi trường tỉnh Điện Biên	C						19.382	10.000	1.000	1.000	9.000					
2	Dự án Đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí tự động (tại TP Điện Biên Phủ; TT Tuần Giáo; Cụm công nghiệp Na Hai huyện Điện Biên và Sơ Tái nguyên và Môi trường)	C						40.398	20.398	1.000	1.000	19.398					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
1	Xây dựng khu xử lý nước thải sinh hoạt khu trung tâm huyện lỵ và các tuyến đường trục xã, ngõ xóm xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	C				Xây dựng 02 khu xử lý nước thải		35.000	35.000								
2	Xây dựng khu xử lý chất thải y tế và chất thải nguy hại	C	Xã Thanh An			Xây dựng 02 khu xử lý		20.000	20.000								
3	Đầu tư xây dựng bãi xử lý rác thải TX Mường Lay giai đoạn II	C	Phường Sông Đà					16.000	16.000								
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế																
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Xây dựng công trình Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản	C	huyện Điện Biên					45.000	45.000			45.000					
2	Thủy lợi bản Na Sang 1, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên							14.800	14.800			14.800					
3	Sửa chữa, nâng cấp 13 công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý	C	Các huyện					58.700	58.700			58.700					
4	Hệ thống kê chống sạt lở và bảo vệ đất nông nghiệp xã Ảng Nưa và Xã Mường Ảng		Huyện Mường Ảng					25.000	25.000			17.500					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Kênh tiêu từ đập tràn bản On đến sông Nậm Rốm; kênh tiêu từ cống Bà Mị đến sông Nậm Rốm xã Noong Luông, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Yên			Kênh tiêu từ đập tràn bản On đến sông Nậm Rốm có chiều dài L=850m; h=3,5-4m; Kênh tiêu từ cống bà Mị đến sông Nậm Rốm có chiều dài L=1200m, h=3-3,5m; kết cấu BT		60.000	60.000			17.000					
2	Thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi) (giai đoạn III)		Huyện ĐB					55.000	55.000			40.050					
3	Kè chống sạt lở khu vực bản Mường Luân 1, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					40.000	40.000			10.000					
4	Kè chống sạt lở khu vực dân cư bản Pá Nậm A, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					40.000	40.000			10.000					
5	Kè suối bản Na Ten, Na Hý, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên		Huyện ĐB					30.900	30.900			10.000					
6	Kè khu dân cư và đất sản xuất tổ 4, thị trấn Điện Biên Đông		Huyện ĐBD					70.000	70.000			12.900					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
7	Kè bảo vệ khu dân cư bản Đoàn Kết, xã Chung Chải, huyện Mường Nhé							60.000	60.000								
8	Dự án sắp xếp điểm dân cư tập trung cho bản Huổi Lấp, xã Quảng Lâm	C	Mường Nhé					40.000	40.000								
9	Khu TĐC bản Hát Tao xã Na Tông, huyện Điện Biên	C	Xã Na Tông			Dự kiến TĐC cho 37 hộ dân bản Hát Tao, chỉnh trị dòng suối L=400m, san nền mặt bằng khoảng 4ha		45.000	45.000								
10	Kênh tiêu từ thôn 3+4 đến sông Nậm Rốm, xã Pom Lót, huyện Điện Biên	C	Xã Pom Lót			Tiêu 178 ha (gồm 3 tuyến: từ QL 279 đến nhà ông Hiện 450 tiêu 42ha; từ kênh cấp II đến nhà ông Hiện 900, tiêu 136ha; từ nhà ông Hiện đến sông Nậm Rốm 300, tiêu 178ha) Kênh tiêu kết hợp kè tiêu có (bxh)=(1,5x1,5 -:- 2x2)m, L=1.650m; kết cấu BT, BTCT		25.000	25.000								
11	Kè chống sạt lở đất sản xuất bản Nậm Hẹ 1 xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	C	Xã Hẹ Muông			Tuyến kè chống sạt lở L=3,2 km. Hình thức kè bán chống. Kết cấu BTCT, cao 1,5-:-2m;		28.000	28.000								
12	Kè chống sạt lở khu sản xuất và khu dân cư bản Cò Chạy 1+2 xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	C	Xã Mường Pồn			Chiều dài 2.000 m, cao 2,5m, tổng diện tích tưới 4 ha.		20.000	20.000								
13	Kè bảo vệ đất sản xuất bản Xôm đến bản Na Há xã Phu Luông, huyện Điện Biên	C	xã Phu Luông			Kè bê tông có chiều dài khoảng L=2,5km, h=2,5-3,5m; bảo vệ 45ha		20.000	20.000								
14	Kè bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất từ đập Che Phai đến khu C2, thôn Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Yên			Có chiều dài khoảng L=4,4km, h=2-:-3m; kết cấu BTCT; diện tích tưới, tiêu khoảng 129 ha.		30.000	30.000								
15	Kè suối Nậm Mến, bản Mến, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên							78.570	78.570								
16	Kè suối Hồng Lệnh, bản Tông Khao, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên							84.487	84.487								
17	Kè chống sạt lở khu dân cư bản Tầu, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên							73.867	73.867								

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
18	Kè bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà							150.000	150.000						
19	Kè bảo vệ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật TT huyện Mường Nhé (từ cầu Nà Pán đến bản Mường Nhé), xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé							70.000	70.000						
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.2	Công nghiệp														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Hệ thống điện chiếu sáng khu Trung tâm huyện lỵ và trục xã, ngõ xóm xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	C				Hệ thống điện chiếu sáng		35.000	35.000						
10.3	Giao thông														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba bệnh viện tỉnh đến ngã tư Tà Lèng (Đoạn từ nút N20 đến trung tâm xã Tà Lèng), TP ĐBP	C						25.000	25.000	1.000	1.000	24.000			
2	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chải, huyện Mường Nhé	B						115.000	115.000	5.850	5.850	109.150			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xá Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà	C						39.500	39.500	3.000	3.000	36.500			
4	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C						35.000	35.000	19.900	10.000	15.100			
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Đường giao thông bản Háng Múa Lừ kết nối với trục đường đến trung tâm xã Sá Tổng, huyện Mường Chà							50.000	45.000			45.000			
2	Nâng cấp đường giao thông từ bản Nậm Pó - bản Huổi Hạ, xã Na Sang		Xã Na Sang					14.900	11.900			11.900			
3	Dự án đầu tư nâng cấp đường liên bản Huổi Khương – Huổi Đạo, xã Vàng Đàn							50.000	40.000			40.000			
4	Dự án: Đường nội thị giai đoạn 3 huyện Điện Biên							58.000	53.000			53.000			
5	Hệ thống giao thông các trục đường nội thị thị trấn Mường Ảng							100.000	70.000			70.000			
6	Kè và đường giao thông tổ dân phố 1, phường Mường Thanh							14.900	14.900			14.900			
7	Cầu BTCT trung tâm huyện Mường Nhé cuối nhánh N4 sang khu đô thị phía nam	C	Mường Nhé					40.000	40.000			20.000			
8	Xây dựng bến thuyền đôi cao Mường Lay	C	Thị xã Mường Lay					10.500	10.500			10.500			
9	Đường giao thông lên bản + nội bản Huổi Luân, xã Lay Nura thị xã Mường Lay (giai đoạn II)	C	Xã Lay Nura					30.000	30.000			30.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Đường nội thị các khối trên địa bàn thị trấn Tuấn Giáo, đường nội thị kết nối với trục đường phía Đông							80.000	64.000			30.000			
2	Đường vành đai phía Bắc thị trấn Tuấn Giáo							30.000	24.000			10.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế														
10.5	Thương mại														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Chợ trung tâm huyện Tuấn Giáo							30.000	24.000						
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.6	Cấp thoát nước														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn thuộc các huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên, Điện Biên Đông, Nậm Pồ (do Trung tâm nước sạch VSMT quản lý)							111.003	111.003			38.780			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại trung tâm Thị trấn huyện Mường Chà	C				Công suất: Q= 1000 m3/ngđ		40.000	40.000						
10.7	Kho tàng														
10.8	Du lịch														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
	Dự án phát triển bản đồ du lịch số cho tỉnh Điện Biên (theo Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Điện Biên)							10.000	10.000			10.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
	Dự án xây dựng các điểm dừng chân trên địa bàn 10 huyện, thị xã, thành phố tỉnh Điện Biên (Xây dựng khu vệ sinh, bãi đỗ xe, khu nhà hàng và khu bày bán sản phẩm địa phương)							28.000	28.000			10.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.9	Bưu chính, viễn thông														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.10	Công nghệ thông tin																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2026-2030	B						59.396	59.396			59.396					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
10.11	Quy hoạch																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Rà soát điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050							10.000	10.000			10.000					
2	Quy hoạch chung đô thị thị xã Mường Lay							9.000	9.000			9.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
	Mở rộng nghĩa trang C1 xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	C	Xã Thanh Luông					30.000	30.000			30.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
	Đầu tư xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C				15ha		60.000	60.000			10.000					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX																
(11)	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm kiểm soát liên hợp của khẩu Huổi Puộc							14.950	14.950			14.950					
2	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	C						14.600	14.600	500	500	14.100					
3	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	C						10.000	10.000	500	500	9.500					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Dự án: Trụ sở làm việc Ban quản lý dự án các công trình huyện Điện Biên							11.000	8.000			8.000			
5	Trụ sở xã và nhà văn hoá, thể thao xã Na Tông, huyện Điện Biên	C	Xã Na Tông			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng, nhà văn hoá, thể thao		15.000	10.000			10.000			
6	Trụ sở xã Phú Luông	C	Xã Phú Luông			01 nhà làm việc cấp III, 3 tầng, nhà văn hoá thể thao và các hạng mục phụ trợ		10.000	8.000			8.000			
7	Trụ sở xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên và các hạng mục phụ trợ	C	Xã Hẹ Muông			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ		10.000	10.000			9.000			
8	Trụ sở xã Pom Lót, huyện Điện Biên và các hạng mục phụ trợ	C	Xã Pom Lót			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ		10.000	10.000			9.000			
9	Trụ sở xã Thanh Yên, huyện Điện Biên và các hạng mục phụ trợ	C	Xã Thanh Yên			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ		14.800	12.800			12.800			
10	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở xã Mường Pồn và hạng mục phụ trợ	C	Xã Mường Pồn			Xây dựng nhà Cấp III , 03 tầng và các hạng mục phụ trợ); kê chống sạt lở chiều dài khoảng 80m, cao 5m; Sửa chữa nhà làm việc 02 tầng, tường bao, nâng cấp lối lên xuống, sân trụ sở UBND dài Apphan nhựa		13.000	13.000			10.000			
11	Đầu tư, nâng cấp trụ sở UBND xã (Sửa chữa trụ sở xã và đầu tư xây dựng mới trụ sở Chi huy quân sự xã), xã Trung Thu	C				Cấp III, 02 tầng		10.000	8.000			8.000			
12	Nâng cấp nhà khách UBND huyện Tuần Giáo	C				Nhà ăn + nhà nghỉ 3 tầng DTxd 800 m2;		30.000	24.000			24.000			
13	Nhà khách huyện Nậm Pồ					Nhà ăn + nhà nghỉ 3 tầng DTxd 800 m2;		30.000	30.000			30.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Trụ sở các xã: Rạng Đông, Chiềng Đông, Nà Tông, Pú Xí							60.000	48.000			21.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(12)	Ngành/lĩnh vực: Xã hội														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
	Xây mới trung tâm Dịch vụ việc làm	C						35.000	35.000			20.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT														
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	C				Sửa chữa nhà BGH, nhà đa năng; 30 phòng học, nhà lớp học bộ môn, nhà cầu, nhà bảo vệ và HM phụ trợ	2146/QĐ-UBND 25/12/2023	14.986	14.986	13.500	13.500	1.486					
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Tiểu học Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ	C					1071/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	14.950	14.950	13.500	13.500	1.450					
3	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Mùn Chung, huyện Tuần Giáo	C	H. Tuần Giáo	2026	2028	Xây mới Nhà ăn, nhà đa năng, phòng học; sửa chữa 06 phòng công vụ giáo viên, 10 phòng ở nội cho học sinh, 200m kè đá, tường rào, công trình phụ trợ		25.000	25.000	100	100	24.900					
4	Trường THPT Lương Thế Vinh	C	TP. Điện Biên Phủ	2028	2030	Xây mới: 12 phòng học nội trú, 4 phòng bộ môn, phòng tắm, phòng tư vấn học đường, phòng đoàn thanh niên, phòng truyền thống, phòng tổ chuyên môn, y tế học đường, phòng nghỉ giáo viên, ga ra xe.		14.900	14.900			14.900					
5	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho trường Cao đẳng sư phạm	C	P. Điện Biên P	2027	2029	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục: Nhà đa năng; nhà giảng đường lớn; Nhà thư viện - Hỗ trợ học tập; Nhà lớp học bộ môn; Nhà lớp học 22 phòng; Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ		14.000	14.000			14.000					
6	Bổ sung cơ sở vật chất trung tâm Hỗ trợ phát triển GD hòa nhập tỉnh Điện Biên	C	TP. Điện Biên Phủ	2028	2030	10 phòng ở nội trú học sinh, nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ		14.000	14.000			14.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
7	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, huyện Điện Biên	C	H. Điện Biên	2028	2030	Xây mới: 7 phòng bộ môn, kho bếp, phòng đoàn thanh niên, phòng truyền thống, tư vấn học đường, y tế, nhà để xe, phòng tắm, Sửa chữa: nhà lớp học bộ môn; 15 phòng công vụ, sân trường,		14.000	14.000			14.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc số 1, 2 Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C						14.800	14.800			14.800					
2	Trại thí nghiệm thực hành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	C						18.450	18.450			15.450					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Phổi.	C						15.000	15.000			14.401					
2	Cải tạo, sửa chữa Chi cục Dân số - KHHGD + Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh và Khối nhà Xét nghiệm CDC tỉnh Điện Biên	C						8.000	8.000			8.000					
3	Cải tạo nâng cấp Khu điều trị Phong K10 Nậm Dìn	C						6.000	6.000			6.000					
4	Xây mới TYT phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ	C						6.000	6.000			6.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5	Cải tạo, sửa chữa 02 khoa (Xét nghiệm + Xquang) và mua sắm trang thiết bị y tế cho TTYT huyện Điện Biên Đông	C						10.000	10.000			7.031			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Cải tạo, Sửa chữa TTYT huyện Mường Ảng	C						10.000	10.000						
III	Ngành/lĩnh vực: Khoa học công nghệ														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng phòng thí nghiệm, thử nghiệm và thực nghiệm công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiên bộ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	C					1076/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	8.000	8.000	6.918	6.918	1.082			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
IV	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
1	Nâng cấp chợ trung tâm huyện Mường Ảng	C					2206/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	14.500	14.500	800	800	13.700			
2	Kè chống sạt lở suối Nậm Có, bản Tầu, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên							32.402	32.402			3.800			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														

Biểu số 3

CHI TIẾT NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/10/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(1)	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng							17.337.227	15.905.284	916.665	916.165	10.553.580			
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Đường ra mốc biên giới (Mốc 90, Mốc 139, Mốc 141, Mốc 39, Mốc 40) thuộc các huyện Điện Biên, Nậm Pồ	B	xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, Huyện Nậm Pồ					440.000	440.000			440.000			
2	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh (giai đoạn 2, khoảng 3.800ha).	B	Tỉnh Điện Biên			Rà phá 3.800ha đất		100.000	100.000			100.000			
3	Chốt dân quân chiến đấu thường trực tại địa bàn các huyện: Điện Biên, Mường Chà, Nậm Pồ, Mường Nhé	B	Các huyện MC, ĐB, NP, MN			XD 06 chốt		96.000	96.000			96.000			
4	Xây dựng trụ sở Ban CHQS cấp xã và nhà ở dân quân thường trực	B	Các xã			XD trụ sở Ban CHQS cấp xã và nhà ở dân quân thường trực xã biên giới		310.000	310.000			150.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(2)	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản nợ trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn còn lại thuộc Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an các xã, thị trấn	B	Các xã					93.272	93.272			93.272					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(3)	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật + mặt bằng trường Đại học Điện Biên Phủ	B	tỉnh Điện Biên	2026	2030	Đầu tư thiết bị phòng học (đối với thiết bị đã hỏng và hết liên hạn sử dụng) và thiết bị dạy học tối thiểu (thiết bị bị còn thiếu chưa đầu tư và các thiết bị đã hỏng và hết liên hạn sử dụng) tại 34 cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo		291.000	291.000			291.000					
2	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất trường: THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa; THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông;	B	H. Tủa Chùa, Điện Biên Đông	2026	2030	(i) Xây dựng 06 phòng học+ 06 phòng học bộ môn, nhà đa năng; 40 phòng ở nội trú cho học sinh; 09 phòng công vụ cho giáo viên; nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ tại trường Quyết Tiến; (ii) San nền, kê đá; nhà đa năng, nhà hiệu bộ, nhà bếp, nhà ăn, 12 phòng học, 5 phòng bộ môn, 30 phòng nội trú, 30 phòng tắm, 16 phòng vệ sinh và các hạng mục phụ trợ tại trường Mường Luân		95.000	95.000			95.000					
3	Trường PTDTBT THCS Quảng Lâm, huyện Mường Nhé và Trường Tiểu học Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	B	huyện Mường Nhé					90.000	90.000			90.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
5	Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất Trường PTDTBT TH&THCS xã Na Tông, Trường TH & THCS xã Hua Thanh, Trường PTDTBT TH&THCS xã Phu Luông, huyện Điện Biên		Huyện Điện Biên			Na Tông: Xây mới 20 phòng học, 10 phòng chức năng, Khu nhà nội trú, Khu nhà công vụ, Nhà đa năng, Nhà bếp, nhà ăn; Sửa chữa khối nhà hiệu bộ, nhà lớp học 8 phòng và các hạng mục phụ trợ; Hua Thanh: Xây mới nhà lớp học 16 phòng; 10 phòng chức năng; khu nhà hiệu bộ; 10 phòng công vụ; san ủi mặt bằng và các hạng mục phụ trợ;		150.000	150.000			150.000					
6	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường PTDTNT: THPT tỉnh Điện Biên; THPT Huyện Điện Biên; THPT huyện Nậm Pồ	B	H. Điện Biên, Nậm Pồ, TP ĐBP	2026	2030	(i) Đền bù giải phóng mặt bằng; cải tạo sửa chữa các hạng mục: Nhà đa năng; nhà lớp học 06 phòng; nhà lớp học chức năng 06 phòng; sửa chữa nhà ở nội trú học sinh thành nhà lớp học; xây mới nhà ban giám hiệu; 12 phòng học, 06 phòng học bộ môn, các hạng mục phụ trợ (ii) Xây mới nhà ăn, 60 phòng ở nội trú cho học sinh; 02 phòng học bộ môn + 08 phòng học; nhà ga ra xe; cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng 03 phòng & 06 phòng học chức năng; nhà đa năng; nhà bếp; Nhà ký túc xá 05 phòng và các hạng mục phụ trợ; (iii) Đền bù giải phóng mặt bằng 10.000m2; 05 phòng học, 01 phòng thiết bị; + 06 phòng học bộ môn, 30 phòng ở nội trú, mở rộng nhà bếp nhà ăn; nhà ban giám hiệu; 15 phòng công vụ cho giáo viên; nhà tắm, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ		140.000	140.000			140.000					
7	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT: Thanh Nua (Trường năng khiếu thể dục, thể thao); Trường THPT Tuần Giáo	B	H. Điện Biên	2026	2030	(i) Xây mới 06 phòng học bộ môn + thư viện, mở rộng 02ha, xây dựng các hạng mục đào tạo năng khiếu TDTT, sửa chữa 14 phòng học; 05 phòng công vụ giáo viên; các hạng mục phụ trợ trường Thanh Nua (ii) 12 phòng học + 06 phòng học bộ môn; sửa chữa nhà lớp học + nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ trường THPT Tuần Giáo		145.000	145.000			145.000					
2	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Trường MN Thị trấn Tuần Giáo	B	Huyện Tuần Giáo			Giải phòng mặt; san lấp mặt bằng 2ha; Phòng học: 22 phòng; Phòng bộ môn: 05 phòng; Phòng ngủ cho trẻ: 06; Phòng quản trị hành chính: 08 phòng và Các hạng mục phụ trợ khác.		90.000	90.000			50.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Trường THPT Leng Su Sin		Huyện Mường Nhé					200.000	200.000			100.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
1	Xây dựng bổ sung, cải tạo cơ sở vật chất trường Chính trị tỉnh Điện Biên		TP ĐBP					214.000	214.000						
2	Trường THPT tại cụm xã Nậm Nèn, Pa Ham, Huổi Mí, Xã Tổng	B	H. Mường Chà	2026	2030	12 phòng học, 30 phòng nội trú, 10 phòng công vụ giáo viên, 09 phòng học bộ môn, nhà ban giám hiệu, nhà đa năng, nhà bếp, nhà ăn, nhà bảo vệ, đèn bù giải phóng mặt bằng, san nền, kè đá, hàng rào		120.000	120.000						
(4)	Ngành/lĩnh vực: Khoa học và công nghệ														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
(5)	Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Dự án: Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên	B	TP Điện Biên Phủ					250.000	250.000			250.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
1	Dự án: Xây mới Bệnh viện Tâm thần tỉnh Điện Biên	B	TP Điện Biên Phủ					125.000	125.000								
(6)	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
1	Bảo tàng tỉnh Điện Biên	B	TPĐBP	2025		Nhà bảo tàng		150.000	150.000	88.174	88.174	61.826					
2	Khoanh vùng bảo vệ, cắm mốc, giải phóng mặt bằng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các điểm di tích thuộc Di tích Chiến trường Điện Biên Phủ	B	TPĐBP	2025				130.248	130.248	1.000	1.000	107.972					
3	Bảo tồn, tôn tạo Trung tâm tập đoàn cử điểm Điện Biên Phủ, kết hợp với cải tạo lại hệ thống cây xanh tại các điểm di tích	B	TPĐBP	2025				260.000	259.900	60.100	60.000	90.000					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(7)	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Dự án: Đầu tư hệ thống quản lý sản xuất và quản trị điều hành PTTH, thực hiện công tác chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030	B	TP ĐBP					90.000	90.000			90.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(8)	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Xây dựng khu liên hiệp thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP			Sân vận động 20.000 chỗ ngồi; Xây dựng Bể bơi 1000 người; xây dựng sân Tennis; sân bóng chuyền; Sân cầu lông; nhà luyện tập; nhà điều hành..... Và các hạng mục đồng bộ hoàn chỉnh		450.000	450.000			300.000					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên		Huyện Tuần Giáo					1.389.698	306.036			150.000					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
3	Kè bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất ven suối Nậm Húa, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng và Kè hai bên bờ suối Nậm Núa xã Mường Nhà, huyện Điện Biên		Huyện Mường Ảng, Điện Biên					250.000	250.000			230.000					
4	Xây dựng kênh tưới nước từ Hồ Ảng Cang	B	Xã Ảng Cang					270.000	270.000			270.000					
5	Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do trên địa bàn các huyện		Các huyện					230.000	230.000			230.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Hồ chứa nước Huổi Bè tỉnh Điện Biên	B						250.000	250.000			200.000					
2	Hồ chứa nước Nậm Xả, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	B						300.000	300.000			200.000					
3	Đầu tư xây dựng bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Chi cục, hạt kiểm lâm phục vụ công tác quản lý, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh	B	Tỉnh Điện Biên					112.000	112.000			70.000					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
3	Hồ Nậm Seo, huyện Tủa Chùa	B						300.000	300.000								
2	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2026-2030	B	Tỉnh Điện Biên					105.000	105.000								
3	Đầu tư xây dựng kè phòng chống thiên tai trên địa bàn xã Thanh Minh	B	Thanh Minh					125.000	125.000								
4	Đầu tư xây dựng kè phòng chống thiên tai trên địa bàn xã Nà Tấu, Nà Nhạn, Pá Khoang	B	Xã; Pá Khoang; Nà Nhạn; Nà Tấu					140.000	140.000								

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
10.2	Công nghiệp																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hỗ hợp xã Ấng Tở, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	B	Huyện Mường Ảng	2024	2026			110.000	110.000	9.160	9.160						
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia (Chương trình “Bùng sáng Điện Biên”		7 huyện	2024	2025			1.260.000	1.259.600	500.400	500.000	759.600					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
10.3	Giao thông																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
1	Đường từ QL279 đi bản Mánh Đanh, xã Ấng Cang, huyện Mường Ảng	B	huyện Mường Ảng	2024	2026	6,5 km	1255/QĐ-UBND 10/8/2023	90.000	90.000	50.240	50.240	39.760					
2	Nâng cấp đường QL6 – TT xã Rạng Đông - TT xã Phình Sáng – Phảng Cù, huyện Tuần Giáo.	B	huyện Tuần Giáo	2023	2026	26,4 km	2098/QĐ-UBND 14/11/2022	80.000	80.000	42.530	42.530	37.470					
3	Nâng cấp đường giao thông từ bản Xóm đi bản mốC C5 xã Phu Luông, huyện Điện Biên	B	huyện Điện Biên	2023	2026	18,6 km	643/QĐ-UBND 8/4/2022	85.000	85.000	62.000	62.000	23.000					
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến quy hoạch Quốc lộ 12D, tỉnh Điện Biên		Huyện Nậm Pồ-Mường Chà					695.561	347.780			347.780					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Phi Nhừ - Phình Giàng - Pú Hồng - Mường Nhà, tỉnh Điện Biên (Phần đoạn 2 của giai đoạn 2: Đoạn Pú Hồng - Mường Nhà)	B	Huyện Điện Biên Đông và huyện Điện Biên	2016	2028	17,7 Km Đường cấp VImn		435.448	435.448	103.061	103.061	320.000					
3	Nâng cấp đường giao thông Nậm Kê - Pá Mý - Huổi Léch huyện Mường Nhé	B	Huyện Mường Nhé			Tổng chiều dài khoảng 22km, đường cấp VI miền núi		160.000	160.000			160.000					
4	Đường giao thông trung tâm xã Mường Lạn - Pá Khôm	B	Huyện Mường Ảng			Tổng chiều dài khoảng 15km, đường cấp VI miền núi		160.000	160.000			160.000					
5	Trục đô thị trọng yếu phía Đông thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo	B	huyện Tuần Giáo			+ Trục chính: Chiều dài dự kiến L= 5,2Km, thiết kế theo TCXDVN 104:2007; Bề rộng nền đường Bn=20,5m (Bm=13,5m, Bvh=2x3,5m). + Trục ngang: Chiều dài dự kiến L= 0,20 Km. Bề rộng nền đường Bn=22m (Bm=16m, Bvh=2x3m). Thiết kế theo TCXDVN 104:2007		300.000	300.000			300.000					
6	Dự án Nâng cấp đường Nà Tấu - Mường Đăng - Ngòi Cây - Ảng Tờ (ĐT.146C)	B	Huyện Mường Ảng và Thành phố Điện Biên Phủ			25 Km Đường cấp Vmn		350.000	350.000			350.000					
7	Cải tạo, nâng cấp ĐT.146 Búng Lao - Mường Lạn - Xa Dung - Na Son	B	huyện Mường Ảng, Điện Biên Đông			39,7Km đường giao thông cấp IV-Vmn		631.000	631.000			631.000					
8	Dự án Nâng cấp đường giao thông liên xã Sa Lông - Hứa Ngải - Huổi Lèng, huyện Mường Chà	B	Huyện Mường Chà			26 Km Đường cấp VImn		300.000	300.000			300.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
1	Nâng cấp đường liên xã Sam Múm - Hẹ Muông, động Chua Ta huyện Điện Biên.	B						220.000	220.000			120.000					
2	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thị phía Đông Nam thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn			4,4km		200.000	200.000			150.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	Nâng cấp đường Noong Luống (giao Km 16 đường động lực) - bản Pa Thơm và Đoạn từ ngã tư bản On đến khu khoáng nóng U Va xã Noong Luống, huyện Điện Biên	B	Xã Noong Luống, Pa Thơm			GTNT A, L = 21 km, mặt đường BTXM Bn= 6,0m, Bm=3,5m; Cầu dầm BTCT, Chiều dài khoảng L= 100m; GPMB; Đoạn Bản On - Uva: Cấp IV mn 4.200m; rộng = 5,5;m		270.000	270.000			150.000					
4	Dự án Nâng cấp đường Pá Vát - Háng Lía - Tia Dình, huyện Điện Biên Đông	B	Huyện Điện Biên Đông			35,5 Km Đường cấp Vmn-Cấp Vmn		400.000	400.000			300.000					
5	Đường giao thông kết nối QL.279 - Đường Động lực - Trung tâm huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên		Xã Thanh Xương, HDB			Tổng L~5,61Km, trong đó: - L~2,1Km: Bn=25m; Bm=2x7m; Bgpc=2,0m; Bvh=2x4,5m - L~1,1Km: Bn=20,5m; Bm=10,5m; Bvh=2x5m - L~2,41Km, Bn=40m; Bm=2x10,5m; Bgpc=6,0m; Bvh=2x6,5m		587.000	587.000			305.900					
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT.150 đoạn Km38-Km52, huyện Mường Chà	B	huyện Mường Chà			13,6Km đường giao thông cấp VImn		200.000	200.000			100.000					
7	Đầu tư, nâng cấp đường giao thông Nậm Nhừ - Nậm Chua - Nà Hỷ, huyện Nậm Pồ	B	Xã Nậm Nhừ, Nậm Chua, Nà Hỷ			Đầu tư theo quy mô đường cấp V miền núi với chiều dài khoảng 24,5 km, kết cấu mặt đường nhựa. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		320.000	320.000			150.000					
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
2	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thị thị trấn từ Dốc Vàng - hồ Tổng Lệnh, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn			4,1km		180.000	180.000								
3	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Páo Tinh Làng - Phàng Mú Phình, xã Tả Sìn Thàng đến Háng Pàng xã Huổi Sớ), huyện Tủa Chùa	B	Các xã: Tả Sìn Thàng, Huổi Sớ			8,1km		80.000	80.000								
4	Nâng cấp đường Na Phay - Huổi Chanh - Gia Phú A,B (Đường ra biên giới) huyện Điện Biên	B	Xã Na Tông			Đường GTNT cấp A miền núi L=30km, Bn=6m, Bm=3,5m		150.000	150.000								
5	Tuyến đường liên xã Thanh Minh - Pá Khoang	B	Trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ			L=2,5km; Bnen=15m đường đô thị		184.000	184.000								
6	Nâng cấp tuyến đường Mường Báng - Xá Nhè - (Tả Huổi Tráng) xã Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	B	Các xã: Mường Báng, Xá Nhè, Tủa Thàng			22km		198.000	198.000								
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ hoạt động cửa khẩu A Pa Chải							700.000	700.000			350.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.5	Thương mại														
10.6	Cấp thoát nước														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.7	Kho tàng														
10.8	Du lịch														
10.9	Bưu chính, viễn thông														
10.10	Công nghệ thông tin														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giai đoạn 2 và Nâng cấp, mở rộng, vận hành hệ thống đảm bảo an toàn thông tin của các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Điện Biên							235.000	235.000			235.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Nâng cấp, mở rộng nền tảng đô thị thông minh tỉnh Điện Biên							175.000	175.000			175.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.11	Quy hoạch														
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới														
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030														
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030														
1	Hạ tầng khu trung tâm hành chính mới xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	B						210.000	210.000			210.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030														
1	Kè, đập dâng bảo vệ hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ trường học, khu dân cư, tạo cảnh quan đô thị Trung tâm huyện Nậm Pồ	B				- Đầu tư xây dựng mới tuyến kè dài khoảng 400m, cống hộp 200m, đập dâng nước chiều dài 40m; - Đầu tư xây dựng mới tuyến kè dài khoảng 3,83 km và hạ tầng kỹ thuật (Đường Đạo, Cống thoát nước)		300.000	300.000			179.000			
2	Kè 2 bên bờ suối và cầu bê tông cốt thép dự ứng lực khu trung tâm hành chính mới xã Tủa Dình và kè 2 bên bờ suối khu bản Suối Lư, xã Phi Nhữ, huyện Điện Biên Đông							180.000	180.000			120.000			
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035														
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ ĐNNVV; hỗ trợ HTX														
(11)	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Trụ sở hợp khối huyện Tuần Giáo	B						100.000	100.000			100.000					
2	Trung tâm văn hoá thành phố Điện Biên Phủ, huyện Tủa Chùa, huyện Mường Chà và Nhà khách huyện Nậm Pồ	B						290.000	290.000			290.000					
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(12)	Ngành/lĩnh vực: Xã hội																
1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																
3)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																
(13)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật																
B	ĐỀ XUẤT BỔ SUNG TỪ VỐN CỦA BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG							17.554.000	14.087.000			14.087.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ tri từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Kè chống sạt lở bờ suối biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Khu vực từ Mốc 13 đến Mốc 14, tỉnh Điện Biên	B	xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé					123.000	123.000			123.000					
2	'Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên (giai đoạn 2)	B						600.000	600.000			600.000					
3	Dự án Xây dựng đường cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang, giai đoạn 1	A	tỉnh Điện Biên			39km đường cao tốc 4 làn xe; 5,5Km đoạn nối		11.556.000	8.089.000			8.089.000					
4	Nâng cấp QL279 đoạn Tuần Giáo - Than Uyên					80km		400.000	400.000			400.000					
5	Xây dựng mới cơ sở ma túy tỉnh Điện Biên	B						525.000	525.000			525.000					
6	Cơ sở hỏa táng và Nhà tang lễ tỉnh Điện Biên	B	TT Mường Ảng			Công suất: 2.000 ca/năm, với 04 lò hỏa táng TABO SE hiện đại. Diện tích: 6,4ha, bao gồm các hạng mục: khu nhà điều hành, nhà trực, gara ô tô, nhà chờ, khu vực tâm linh, nhà lưu tro cốt, nhà hỏa táng và các công trình phụ trợ.		100.000	100.000			100.000					
7	Xây dựng cầu Đồi Cao - Lê Lợi thuộc tỉnh Điện Biên - Lai Châu	B	Thị xã Mường Lay					650.000	650.000			650.000					
8	Xây dựng đập ngăn nước phục vụ phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản TX Mường Lay	B	Thị xã Mường Lay					1.000.000	1.000.000			1.000.000					
9	Hồ chứa nước Nậm mún	B				Dung tích khoảng 2 triệu m3.		400.000	400.000			400.000					
10	Hồ chứa nước Nậm Khâu Hu 1, tỉnh Điện Biên	B						500.000	500.000			500.000					
11	Hồ chứa nước Pù Nhung Hò, xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	B						350.000	350.000			350.000					
12	Hồ chứa nước Bán Chăn, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo	B						350.000	350.000			350.000					
13	Hồ Huổi Cánh, huyện Điện Biên	B						350.000	350.000			350.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
14	Hồ Na Pa Khoang, huyện Điện Biên Đông	B						350.000	350.000			350.000					
15	Hồ Chiếu Tĩnh, huyện Tủa Chùa	B						300.000	300.000			300.000					

Biểu số 4
CHI TIẾT NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /10/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư									Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2025							Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030							Ghi chú												
					Số quyết định	TMDT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:																			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽²⁾	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài															
							Tổng số ⁽²⁾	NSTW	NSDP	Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại										
																															Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽³⁾		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29												
A	DỰ ÁN KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC					4.713.432	1.067.286	347.780	813.554		3.552.098	2.733.005	322.718	604.340	25.000		25.000	579.340	522.376	56.964	4.109.092	1.136.334	653.816	482.518	2.972.758	2.707.004	265.754													
I	NGÀNH/ LĨNH VỰC: Bảo vệ môi trường																																							
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																																							
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Điện Biên				981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022	1.480.000	340.720		340.720		1.139.280	1.025.352	113.928	569.640				569.640	512.676	56.964	910.360	340.720		340.720	569.640	512.676	56.964													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																																							
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																																							
1	Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)				1.389.698	306.036		306.036		1.083.662	979.206	104.456								1.389.698	306.036	306.036		1.083.662	979.206	104.456													
2	Mở rộng mạng lưới thu gom, xử lý nước thải thành phố Điện Biên Phủ vay vốn ODA Phần Lan					590.423			94.048		496.375										590.423	94.048		94.048	496.375	496.375														
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																																							
3	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																																							
II	NGÀNH/ LĨNH VỰC: Giao thông																																							
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																																							
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																																							
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																																							
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến quy hoạch Quốc lộ 12D, tỉnh Điện Biên					695.561	347.780	347.780			347.781	243.447	104.334								695.561	347.780	347.780		347.781	243.447	104.334													
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																																							
3	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																																							
III	NGÀNH/ LĨNH VỰC: Công nghiệp																																							

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Lũy kế vốn bỏ trị từ khởi công đến hết năm 2025							Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030							Ghi chú					
					Số quyết định	TMDT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:											
						Trong đó:								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn) ⁽¹⁾	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾					Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	NSTW	NSDP		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP						
							TỔNG SỐ ⁽³⁾	NSTW	NSDP	Tinh bằng nguyên tệ	TỔNG SỐ	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	TỔNG SỐ												NSTW	NSDP	TỔNG SỐ	NSTW	NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29				
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																															
1	Dự án tăng cường năng lực tự lực cho khu vực nông thôn thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng điện cho vùng khó khăn của Tỉnh Điện Biên	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA)				557.750	72.750		72.750		485.000	485.000		34.700	25.000		25.000	9.700	9.700		523.050	47.750		47.750	475.300	475.300						
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																															
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																															
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2030																															
3	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2031-2035																															
B	DỰ ÁN GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC																															